BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2012 - 2013

Đối tượng: Học sinh - Sinh viên có anh chị em ruột cùng học tại Trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Lớp	Khoa	Hệ	Học phí HK II năm học 2012 - 2013	Phần trăm giảm	Thành Tiền
1	CD71000675	Nguyễn Thị Hoa	Huệ	C10_KT02	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
2	CD71201252	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	C12_QT10	QTKD	CD	5,300,000	10%	530,000
3	CD61201453	Nguyễn Thị Kim	Tiền	C12_TP01	CNTP	CD	6,000,000	10%	600,000
4	CD61201459	Nguyễn Thị Kim	Vàng	C12_TP01	CNTP	CD	6,000,000	10%	600,000
5	DH71200267	Hồ Thanh	Quân	D12_QT01	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
6	DH71001271	Hồ Triều Trúc	Hương	D10_TC02	QTKD	DH	5,697,000	10%	569,700
7	DH51201807	Phan Thị Thanh	Mai	D12_TH02	CNTT	DH	5,400,000	10%	540,000
8	CD51201985	Phan Thị Thanh	Phương	C12_TH02	CNTT	CD	4,700,000	10%	470,000
9	DH61100171	Phan Diễm Kiều	Trân	D11_TP02	CNTP	DH	6,750,000	10%	675,000
10	DH81201859	Phan Nhật	Phương	D12_XD01	KTCT	DH	5,400,000	10%	540,000
11	CD71000696	Lê Minh	Thiện	C10_KD07	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
12	CD71101112	Phạm Lê Thị Huyền	Ân	C11_KT01	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
13	CD71101018	Hồ Nhựt	Tuyến	C11_KT01	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
14	LT31100069	Hồ Duy	Nhân	L11_DDT02	HC-ĐH	DH	6,200,000	10%	620,000
15	DH90900529	Trần Thị Thu	Tâm	D09_MT4NT	MTCN	DH	6,234,000	10%	623,400
16	CD51000107	Trần Ngọc	Phước	C10_TH01	CNTT	CD	3,021,000	10%	302,100
17	DH91100652	Thiều Thanh	Xuân	D11_MT3DH	MTCN	DH	8,000,000	10%	800,000
18	CD71101457	Thiều Thanh	Trúc	C11_KT02	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
19	54080142	Nguyễn Ngọc	Dũng	CNTT408	NCQ	DH	4,850,000	10%	485,000
20	84080093	Nguyễn Ngọc	Trí	KTCT408	NCQ	DH	4,850,000	10%	485,000
21	DH71100287	Thi Tấn	Quý	D11_QT03	QTKD	DH	4,830,000	10%	483,000
22	DH71200421	Thi Xuân	Mai	D12_QT05	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
23	DH70900345	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	D09_TC02	QTKD	DH	4,988,000	10%	498,800
24	CD51201340	Nguyễn Trung	Tín	C12_TH02	CNTT	CD	4,700,000	10%	470,000
25	CD71000310	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	C10_KD01	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
26	DH71200353	Nguyễn Hoàng Thanh	Thúy	D12_QT03	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Lớp	Khoa	Hệ	Học phí HK II năm học 2012 - 2013	Phần trăm giảm	Thành Tiền
27	CD71000602	Nguyễn Thị Bích	Trâm	C10_KD05	QTKD	CD	1,440,000	10%	144,000
28	CD61201454	Nguyễn Thị Bích	Trang	C12_TP01	CNTP	CD	6,000,000	10%	600,000
29	LT71100034	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	L11_QT01	QTKD	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
30	LT71100056	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	L11_QT01	QTKD	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
31	LT61100014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	L11_TP03	CNTP	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
32	CD71000430	Nguyễn Minh	Thắng	C10_KD03	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
33	LT61100098	Lê Pha	Lê	L11_TP03	CNTP	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
34	CD71101308	Lê Kim	Ngân	C11_KD05	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
35	DH70900314	Mai Thị Thu	Thảo	D09_TC02	QTKD	DH	4,988,000	10%	498,800
36	DH81200670	Mai Quốc	Hùng	D12_XD01	KTCT	DH	5,400,000	10%	540,000
37	CD71000585	Lê Thị Bích	Nga	C10_KT02	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
38	CD71200968	Lê Thị Thủy	Tiên	C12_QT03	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
39	CD71000434	Đoàn Thị	Trang	C10_KT01	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
40	CD61100894	Đoàn Thị	Kiều	C11_TP01	CNTP	CD	4,796,000	10%	479,600
41	84060021	Võ Dương Thế	Phương	KTCT406	NCQ	DH	4,850,000	10%	485,000
42	CD91200816	Võ Phượng	Hằng	C12_MT01	MTCN	CD	6,000,000	10%	600,000
43	DH81001610	Võ Thị Mỹ	Thúy	D10_XD02	KTCT	DH	6,000,000	10%	600,000
44	CD71200981	Võ Thị Thúy	Hằng	C12_QT04	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
45	DH90900508	Trần Thị Ngọc	Hảo	D09_MT4NT	MTCN	DH	1,912,000	10%	191,200
46	CD71101124	Trần Thị Ngọc	Huyền	C11_KT01	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
47	DH90900470	Đoàn Hữu Minh	Tuấn	D09_MT3DH	MTCN	DH	6,234,000	10%	623,400
48	CD91200841	Đoàn Hữu Bảo	Trung	C12_MT01	MTCN	CD	6,000,000	10%	600,000
49	DH70900385	Huỳnh Thanh	Tuyền	D09_TC02	QTKD	DH	4,988,000	10%	498,800
50	DH71201857	Huỳnh Bích	Tuyền	D12_QT03	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
51	DH70900244	Võ Tuyết Mai	Khanh	D09_TC01	QTKD	DH	4,988,000	10%	498,800
52	CD71201014	Võ Tuyết Mai	Uyên	C12_QT04	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
53	LT41100024	Trần Gia	Khánh	L11_VT01	Đ-ĐT	HC-ĐH	6,200,000	10%	620,000
54	DH71001320	Trần Gia	Huy	D10_TC02	QTKD	DH	5,697,000	10%	569,700
55	CD71000336	Nguyễn Đỗ Tiến	Đức	C10_KD01	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
56	DH91001781	Nguyễn Đỗ Văn	Nhân	D10_MT4NT	MTCN	DH	4,541,000	10%	454,100
57	DH51001070	Dương Minh	Kiệt	D10_TH01	CNTT	DH	4,000,000	10%	400,000

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Lớp	Khoa	Hệ	Học phí HK II năm học 2012 - 2013	Phần trăm giảm	Thành Tiền
58	DH71100269	Dương Minh	Huy	D11_QT03	QTKD	DH	4,830,000	10%	483,000
59	DH71200286	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	D12_QT02	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
60	CD71201015	Nguyễn Ngọc Thúy	Vi	C12_QT04	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
61	DH70900252	Trần Thị Tuyết	Nhung	D09_TC01	QTKD	DH	4,988,000	10%	498,800
62	CD71100991	Trần Thị Tuyết	Mai	C11_KT01	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
63	DH91001631	Nguyễn Đức	Điệp	D10_MT4NT	MTCN	DH	4,541,000	10%	454,100
64	CD81201562	Nguyễn Văn	Tuấn	C12_XD01	KTCT	CD	4,700,000	10%	470,000
65	DH90900625	Mạch Hoàng Bảo	Trân	D09_MT4NT	MTCN	DH	6,234,000	10%	623,400
66	CD71000436	Mạch Hoàng Ngọc	Trân	C10_KD02	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
67	CD41100751	Nguyễn Khánh	Linh	C11_VT01	Đ - ĐT	CD	4,200,000	10%	420,000
68	CD71201234	Nguyễn Kim	Khánh	C12_QT10	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
69	LT61100070	Nguyễn Thị Hải	Hiền	L11_TP02	CNTP	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
70	CD51201322	Nguyễn Hải	Nam	C12_TH02	CNTT	CD	4,700,000	10%	470,000
71	CD71000561	Nguyễn Lý Ngọc ánh	Dương	C10_KT02	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
72	CD71200905	Nguyễn Lý Ngọc Anh	Minh	C12_QT02	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
73	LT71100011	Nguyễn Vân	Anh	L11_QT04	QTKD	HC-ĐH	6,000,000	10%	600,000
74	CD71201060	Nguyễn Trâm	Anh	C12_QT06	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
75	DH60900105	Hà Huy	Khoa	D09_TP01	CNTP	DH	6,552,000	10%	655,200
76	DH61200596	Hà Huy	Đạt	D12_TP01	CNTP	DH	6,800,000	10%	680,000
77	DH70900358	Phạm Thị Hồng	Nhung	D09_TC02	QTKD	DH	5,188,000	10%	518,800
78	DH61001171	Phạm Thị Hồng	Hạnh	D10_TP01	CNTP	DH	6,322,000	10%	632,200
79	CD71101462	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	C11_KD08	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
80	DH51200503	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	D12_TH01	CNTT	DH	5,400,000	10%	540,000
81	DH60900109	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D09_TP01	CNTP	DH	6,552,000	10%	655,200
82	CD51201362	Nguyễn Đăng	Nhân	C12_TH03	CNTT	CD	4,700,000	10%	470,000
83	CD71000289	Lưu Sĩ	Bình	C10_KD01	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
84	CD71000295	Lưu Sĩ	Đẳng	C10_KD01	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
85	DH90900480	Lý Vương Nhựt	Minh	D09_MT4NT	MTCN	DH	6,234,000	10%	623,400
86	DH91200137	Lý Vương Nhựt	Khánh	D12_MT04	MTCN	DH	6,800,000	10%	680,000
87	DH81001585	Mai Trung	Ngân	D10_XD02	KTCT	DH	6,000,000	10%	600,000
88	DH91001728	Mai Gia	Luật	D10_MT3DH	MTCN	DH	4,541,000	10%	454,100

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Lớp	Khoa	Hệ	Học phí HK II năm học 2012 - 2013	Phần trăm giảm	Thành Tiền
89	LT11100041	Trần Tuấn	Huy	L11_CDT02	CĐT	HC-ĐH	6,200,000	10%	620,000
90	LT31100040	Trần Tuấn	Hùng	L11_DDT02	Đ-ĐT	HC-ĐH	6,200,000	10%	620,000
91	DH71001238	Nguyễn Hoàng Đông	Phương	D10_TC01	QTKD	DH	5,486,000	10%	548,600
92	DH61002037	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	D10_TP01	CNTP	DH	6,322,000	10%	632,200
93	CD71101503	Võ Ngọc Phương	Uyên	C11_KD08	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
94	CD71101485	Võ Ngọc Phương	Oanh	C11_KD08	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
95	TC71101799	Trần Thị Diễm	My	T11_KTT01	QTKD	TC	2,700,000	10%	270,000
96	DH60900110	Trần Trọng	Nghĩa	D09_TP01	CNTP	DH	3,052,000	10%	305,200
97	74061019	Dương Bình	Thái	QTKD706	QTKD	DH	4,750,000	10%	475,000
98	CD71000770	Dương Thái	Hiệp	C10_KD07	QTKD	CD	4,440,000	10%	444,000
99	CD81201542	Nguyễn Minh	Khai	C12_XD01	KTCT	CD	4,700,000	10%	470,000
100	CD51201277	Nguyễn Minh	Kha	C12_TH01	CNTT	CD	4,700,000	10%	470,000
101	CD71101310	Đào Thị Vân	Nhi	C11_KD05	QTKD	CD	4,025,000	10%	402,500
102	DH71200249	Đào Thị Nhật	My	D12_QT01	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
103	LT71200215	Huỳnh Thị Phương	Thùy	L12_QT02	QTKD	HC-ĐH	6,350,000	10%	635,000
104	DH71200270	Huỳnh Thị Phương	Thảo	D12_QT01	QTKD	DH	5,300,000	10%	530,000
105	LT81200745	Triệu Thanh	Hiền	L12_XD02	KTCT	HC-ĐH	6,490,000	10%	649,000
106	CD71201117	Triệu Thị Mộng	Nghi	C12_QT07	QTKD	CD	4,500,000	10%	450,000
107	LT51200077	Ca Phạm Ánh	Vân	L12_TH01	CNTT	HC-ĐH	6,490,000	10%	649,000
108	LT7200160	Ca Phạm Ánh	Tuyết	L12_QT02	QTKD	HC-ĐH	6,350,000	10%	635,000
Tổng cộng							**548,656,000**		**54,865,600**

(Số tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng)

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 06 năm 2013

TM. PHÒNG CÔNG TÁC HS-SV
PHÓ PHÒNG

KS. Nguyễn Minh Phương

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

GS,TS. Đào Văn Lượng